

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.001	221A010635	Huỳnh Bình	An	01/07/2004	Đồng Nai		
2	VHU.TAB1.01.002	221A031359	Lê Tuấn	An	01/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.01.003	221A370353	Nguyễn Hoài	An	23/04/2004	Đồng Tháp		
4	VHU.TAB1.01.004	221A210333	Nguyễn Ngọc Mỹ	An	10/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.01.005	211A050383	Nguyễn Thị Minh	An	04/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.01.006	221A050094	Nguyễn Thị Thuý	An	20/03/2004	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.01.007	221A370495	Mai Nhật	An	06/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.01.008	231A070149	Nguyễn Nhật	An	21/12/2005	Tây Ninh		
9	VHU.TAB1.01.009	211A050297	Trần Nguyễn Gia	Ân	07/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.01.010	211A030158	Lê Thị Tố	Anh	20/04/2003	Thành phố Đà Nẵng		
11	VHU.TAB1.01.011	221A030775	Bùi Thị Thu	Anh	09/01/2004	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.01.012	211A030401	Bùi Tường	Anh	15/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.01.013	211A030214	Đào Vương Thế	Anh	03/03/2003	Đồng Nai		
14	VHU.TAB1.01.014	221A040513	Huỳnh Thị Vân	Anh	24/04/2004	Đồng Tháp		
15	VHU.TAB1.01.015	211A010112	Trịnh Kim	Anh	30012003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.01.016	221A310185	Hồ Thị Bảo	Anh	30/04/2004	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.01.017	221A031169	Hoàng Nguyễn Phương	Anh	27/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.01.018	221A300286	Nguyễn Thái Thương La	Anh	11/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.019	221A370840	Nguyễn Thị Minh	Ánh	01/04/2004	Đắk Lắk		
20	VHU.TAB1.01.020	221A210723	Hồ Thị	Ánh	30/11/2004	Nghệ An		
21	VHU.TAB1.01.021	221A300185	Nguyễn Ngọc	Ánh	15/04/2004	Đắk Lắk		
22	VHU.TAB1.01.022	231A370201	Trần Nguyễn Kim	Ánh	19/08/2005	Đắk Lắk		
23	VHU.TAB1.01.023	221A010150	Trần Quốc	Bảo	06/07/2004	Vĩnh Long		
24	VHU.TAB1.01.024		Trần Văn	Bảo	29/03/1981	Đồng Tháp		
25	VHU.TAB1.01.025	221A030925	Trương Thanh	Bình	06/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.01.026	221A030715	Nguyễn Thị Y	Bình	25/05/2004	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.027	211A030913	Nguyễn Thị Minh	Chánh	17/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.01.028	211A030395	Võ Minh	Chánh	09/11/2003	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.01.029	211A230007	Lê Trần Ngọc	Châu	01/02/2003	Khánh Hoà		
30	VHU.TAB1.01.030	221A030430	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	23/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.01.031	221A050132	Phạm Thị Kim	Chi	21/09/2004	Khánh Hoà		
32	VHU.TAB1.01.032	221A050721	Lê Linh	Chi	25/11/2004	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.01.033	221A030762	Lê Thị Kim	Cúc	03/09/2003	Thanh Hoá		
34	VHU.TAB1.01.034	221A360052	Nguyễn Thị Kim	Cương	07/10/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.01.035	211A031485	Hồ Việt	Cường	01/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.01.036	211A030687	Nguyễn Quốc	Cường	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.01.037	221A100003	Mai Ly	Đan	26/05/2003	Đắk Lắk		
38	VHU.TAB1.01.038	221A030063	Nguyễn Công	Danh	08/07/2004	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.01.039	221A300290	Trần Công	Danh	21/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.01.040	211A320100	Lâm Ngọc Anh	Đào	18/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.01.041	221A050028	Châu Quốc	Đạt	01/08/2004	An Giang		
42	VHU.TAB1.01.042	221A300438	Bùi Tiến	Đạt	28/07/2004	Đắk Lắk		
43	VHU.TAB1.01.043	221A300163	Lưu Duy	Đạt	22/05/2004	Lâm Đồng		
44	VHU.TAB1.01.044	221A080122	Bùi Phong	Đạt	24/10/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.01.045	221A050404	Trịnh Khả	Di	20/05/2003	Gia Lai		
46	VHU.TAB1.01.046	211A310003	Du Mai Ngọc	Diễm	30/12/2003	Quảng Ngãi		
47	VHU.TAB1.01.047	221A030328	Lê Phạm Hoàng	Diễm	05/04/2004	Quảng Ngãi		
48	VHU.TAB1.01.048	221A080278	Mai Thị Hồng	Diễm	29/05/2004	Vĩnh Long		
49	VHU.TAB1.01.049	221A030891	Nguyễn Thị Thuý	Diễm	29/09/2004	Đồng Nai		
50	VHU.TAB1.01.050	231A030168	Nguyễn Hà Minh	Diệu	13/11/2005	Gia Lai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT02

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.051	221A240122	Võ Thị Ngọc	Diệu	10/07/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.01.052	201A030628	Phạm Trần Tân	Định	20/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.01.053	211A030271	Nguyễn Văn	Đông	16/07/2003	Bắc Ninh		
4	VHU.TAB1.01.054	181A220005	Ngô Anh	Đức	17/05/2000	An Giang		
5	VHU.TAB1.01.055		Nguyễn Hoàng	Đức	15/12/1992	Đồng Tháp		
6	VHU.TAB1.01.056	211A360011	Hồ Lê Hoàng	Dung	16/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.01.057	221A030551	Trần Thị	Dung	31/08/2004	Thanh Hoá		
8	VHU.TAB1.01.058	221A370753	Phạm Thị Mỹ	Dung	11/06/2004	Lâm Đồng		
9	VHU.TAB1.01.059	221A370746	Phạm Ngọc Hà	Dung	24/03/2004	Đồng Nai		
10	VHU.TAB1.01.060	211A040204	Phạm Thùy	Dung	17/10/2003	Ninh Bình		
11	VHU.TAB1.01.061	221A040614	Võ Thị Ánh	Dung	23/04/2004	Khánh Hoà		
12	VHU.TAB1.01.062	211A050232	Nguyễn Thị	Dung	01/03/2003	Tây Ninh		
13	VHU.TAB1.01.063	221A040289	Nguyễn Hoàng Thùy	Dương	22/11/2004	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.01.064	221A320174	Vũ Lê Khánh	Dương	26/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.01.065	221A370330	Phạm Khánh	Duy	01/07/2003	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.01.066	221A030556	Nguyễn Thị Cẩm	Duy	26/10/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.01.067	221A020022	Phạm Ngọc	Duy	09/03/2004	Long An		
18	VHU.TAB1.01.068	201A080303	Lâm Thị Kiều	Duyên	25/09/2002	Thành phố Cần Thơ		
19	VHU.TAB1.01.069	211A100017	Phạm Thị Mỹ	Duyên	02/07/2003	Tây Ninh		
20	VHU.TAB1.01.070	221A070130	Danh Nguyễn Mỹ	Duyên	17/10/2004	An Giang		
21	VHU.TAB1.01.071	211A330036	Nguyễn Lê Mỹ	Duyên	02/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.072	221A050026	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	19/01/2004	Đồng Nai		
23	VHU.TAB1.01.073	221A210354	Nguyễn Thuý	Duyên	09/03/2004	Quảng Ngãi		
24	VHU.TAB1.01.074	221A030979	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	13/11/2004	Đồng Nai		
25	VHU.TAB1.01.075		Nguyễn Thùy Kim	Duyên	29/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.01.076	221A050330	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	12/03/2004	Tây Ninh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.077	221A370201	Huỳnh Văn	Giang	22/04/2004	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.01.078	211A100086	Huỳnh	Giao	11/11/2003	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.01.079	231A310075	Mai Trần Ngọc	Giàu	24/07/2005	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.01.080	221A031296	Đoàn Ngọc	Hà	04/08/2004	An Giang		
31	VHU.TAB1.01.081	221A371009	Nguyễn Ngân	Hà	11/09/2004	Tây Ninh		
32	VHU.TAB1.01.082	231A030003	Nguyễn Thanh	Hạ	01/03/2004	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.01.083		Phùng Nam	Hải	24/03/1992	Đắk Lắk		
34	VHU.TAB1.01.084	221A050673	Đặng Hoàng Bảo	Hân	11/07/2004	Quảng Ngãi		
35	VHU.TAB1.01.085	221A040189	Đặng Thị Ngọc	Hân	21/02/2004	Long An		
36	VHU.TAB1.01.086	221A360025	Lê Nguyễn Gia	Hân	03/03/2004	Đắk Lắk		
37	VHU.TAB1.01.087	221A010269	Nguyễn Ngọc	Hân	19/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.01.088	211A050263	Lê Thị Ngọc	Hân	04/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.01.089	221A050299	Võ Thị Ngọc	Hân	01/08/2004	Đồng Tháp		
40	VHU.TAB1.01.090	221A050449	Trần Ngọc Gia	Hân	25/06/2004	Tây Ninh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT03

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.091	211A210421	Trần Thị Gia	Hân	02/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.01.092	221A370333	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	13/01/2004	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.01.093	221A370113	Võ Thị Thuý	Hằng	10/10/2004	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.01.094	221A370099	Phạm Thị Thu	Hằng	19/04/2004	Gia Lai		
5	VHU.TAB1.01.095	221A031152	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/10/2004	Quảng Ngãi		
6	VHU.TAB1.01.096	221A230379	Lê Thị Phước	Hằng	02/08/2004	Khánh Hòa		
7	VHU.TAB1.01.097	221A320362	Cao Thị Thúy	Hằng	01/01/2004	Thành phố Cần Thơ		
8	VHU.TAB1.01.098	191A170154	Đỗ Thị Thu	Hằng	16/11/2001	Cà Mau		
9	VHU.TAB1.01.099		Nguyễn Ngọc Diễm	Hằng	25/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.01.100	221A040508	Đào Thị Tuyết	Hạnh	22/11/2004	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.01.101	221A010672	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/09/2004	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.01.102	221A320364	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	21/04/2003	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.01.103	211A150290	Nguyễn Hồng	Hạnh	06/08/2003	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.01.104		Phan Thị Kim Hạnh	Hạnh	23/05/1977	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.01.105	221A370941	Thái Thị Thanh	Hào	25/05/2004	Đắk Lắk		
16	VHU.TAB1.01.106	221A370016	Võ Như	Hào	11/11/2004	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.01.107	221A050462	Ngô Thị Thu	Hiền	19/08/2004	Đồng Nai		
18	VHU.TAB1.01.108	221A050139	Văn Thị Thanh	Hiền	24/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.109		Lâm Trung	Hiệp	01/12/1988	Cà Mau		
20	VHU.TAB1.01.110	221A080082	Võ Minh	Hiếu	06/01/2004	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.01.111	221A170617	Chung Thị Mỹ	Hoa	09/09/2004	Vĩnh Long		
22	VHU.TAB1.01.112		Trần Thị Hồng	Hoa	08/03/1979	Quảng Ngãi		
23	VHU.TAB1.01.113	211A010119	Phạm Mai Huy	Hoà	26/11/2003	Đồng Nai		
24	VHU.TAB1.01.114	221A310269	Phạm Thị	Hoà	25/05/2004	Quảng Ngãi		
25	VHU.TAB1.01.115	256T030032	Lê Văn Nghĩa	Hòa	26/02/1964	Vĩnh Long		
26	VHU.TAB1.01.116	221A020010	Phạm Việt	Hoàng	27/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.117	221A370684	Nguyễn Thị Kim	Hồng	02/10/2003	Lâm Đồng		
28	VHU.TAB1.01.118	241A211030	Lương Thị	Hồng	03/10/2006	Lâm Đồng		
29	VHU.TAB1.01.119	221A370337	Lê Thị Mỹ	Hồng	18/03/2004	Đắk Lắk		
30	VHU.TAB1.01.120		Phạm Nguyễn Bạch	Huệ	01/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.01.121	201A050081	Vũ Phi	Hùng	24/12/2002	Đồng Nai		
32	VHU.TAB1.01.122	221A070039	Nguyễn Ngọc	Hùng	02/12/2004	Quảng Ngãi		
33	VHU.TAB1.01.123	211A010118	Nguyễn Tấn	Hưng	22/05/2003	Khánh Hoà		
34	VHU.TAB1.01.124	221A050512	Nguyễn Thanh	Hương	07/01/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.01.125	221A370382	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/06/2004	An Giang		
36	VHU.TAB1.01.126	221A050241	Lê Thị Minh	Hường	03/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.01.127	221A050321	Nguyễn Quốc	Huy	21/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.01.128	211A050289	Nguyễn Gia Bảo	Huy	03/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.01.129	221A360044	Nguyễn Khánh	Huy	20/05/2004	An Giang		
40	VHU.TAB1.01.130	201A030897	Sơn Hoàng	Huy	21/01/2002	Thành phố Cần Thơ		
41	VHU.TAB1.01.131	221A370218	Đỗ Quang	Huy	06/10/2004	Gia Lai		
42	VHU.TAB1.01.132	221A370561	Nguyễn Ngọc Thanh	Huyền	01/09/2004	Khánh Hòa		
43	VHU.TAB1.01.133	211A210239	Trần Võ Thanh	Huyền	30/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.01.134	221A031236	Nguyễn Kim Mỹ	Huyền	20/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.01.135	221A011192	Dương Văn	Huỳnh	03/07/2004	Cà Mau		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT04

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.136	201A080374	Nguyễn Như	Huỳnh	25/10/2002	An Giang		
2	VHU.TAB1.01.137	221A050467	Lâm Tuấn	Hỷ	17/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.01.138	221A040038	Trần Văn	Khang	21/08/2004	Tây Ninh		
4	VHU.TAB1.01.139	221A370005	Lâm Chí	Khanh	29/08/2004	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.01.140	221A050548	Nguyễn Trí	Khanh	14/10/2004	Đồng Tháp		
6	VHU.TAB1.01.141	221A010595	Nguyễn Trần	Khánh	07/07/2004	Đồng Tháp		
7	VHU.TAB1.01.142	211A010111	Lê Phan Văn	Khánh	17/01/2003	Quảng Trị		
8	VHU.TAB1.01.143	221A040161	Nguyễn Duy	Khánh	18/03/2004	Tây Ninh		
9	VHU.TAB1.01.144	221A290078	Nguyễn Chí	Khánh	01/03/2004	Quảng Ngãi		
10	VHU.TAB1.01.145	221A030482	Dương Hoài	Khiêm	30/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.01.146	221A210053	Ka	Khuyên	28/05/2004	Lâm Đồng		
12	VHU.TAB1.01.147	221A010264	Lê Trung	Kiên	21/05/2004	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.01.148	221A370062	Nguyễn Thành	Kiên	22/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.01.149	211A010273	Phạm Tuấn	Kiệt	05/10/2003	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.01.150	211A030626	Nguyễn Anh	Kiệt	31/01/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.01.151	211A030385	Trần Thế	Kiệt	21/11/2003	An Giang		
17	VHU.TAB1.01.152	191A010099	Trần Anh	Kiệt	01/05/2001	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAB1.01.153	221A011096	Trà Thanh	Lâm	14/10/2004	Cà Mau		
19	VHU.TAB1.01.154	191A080218	Nguyễn Hoàng	Lâm	20/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.01.155	221A030345	Phạm Thị	Lành	21/01/2004	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.01.156	221A030277	Vũ Thị Phương	Linh	14/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.157	211A030341	Liễu Dương	Linh	29/05/2003	An Giang		
23	VHU.TAB1.01.158	221A030098	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	31/05/2004	Đồng Tháp		
24	VHU.TAB1.01.159	191A210014	Nguyễn Trần Yến	Linh	22/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.01.160	221A040188	Kiều Bạch Thảo	Linh	07/07/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.01.161	221A230180	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/11/2004	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.162	211A010114	Nguyễn Hữu	Lộc	18/12/2003	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.01.163	211A040276	Đặng Hoàng	Long	12/05/2003	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.01.164	221A030727	Đỗ Hoàng	Long	14/10/2003	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.01.165	221A031138	Nguyễn Thị Trúc	Ly	03/11/2004	Lâm Đồng		
31	VHU.TAB1.01.166	221A210084	Đào Mai Khánh	Ly	04/01/2004	Khánh Hoà		
32	VHU.TAB1.01.167	221A370024	Lê Thị Cẩm	Ly	24/02/2004	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.01.168	221A050426	Huỳnh Thảo	Ly	10/03/2004	Thái Nguyên		
34	VHU.TAB1.01.169	221A100005	Trần Hải	Ly	12/07/2004	Đắk Lắk		
35	VHU.TAB1.01.170	221A320153	Trần Thị Khánh	Ly	01/04/2004	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.01.171	221A210662	Nguyễn Thị Khánh	Ly	31/01/2004	Lâm Đồng		
37	VHU.TAB1.01.172	221A230031	Trần Thị Ngọc	Mai	01/03/2004	Lâm Đồng		
38	VHU.TAB1.01.173	221A040099	Kim Thị Xuân	Mai	24/01/2004	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.01.174	221A210484	Nguyễn Thị Út	Mai	02/10/2004	Đắk Lắk		
40	VHU.TAB1.01.175	221A320059	Nguyễn Huỳnh Xuân	Mai	01/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT05

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.176	231A031146	Phan Thị Thu	Mai	07/01/2005	An Giang		
2	VHU.TAB1.01.177	221A050279	Cao Xuân	Mai	17/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.01.178	221A040136	Nguyễn Thị Xuân	Mai	03/02/2004	Đồng Tháp		
4	VHU.TAB1.01.179	211A03989	Mai Thị Trâm	Mi	15/12/2003	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.01.180	221A040587	Nguyễn Văn Khải	Minh	27/02/2004	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.01.181	221A050044	Phan Diễm	My	30/01/2004	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.01.182	221A050153	Trần Thị Trà	My	11/06/2004	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.01.183	221A080248	Trần Ngọc	My	03/02/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.01.184	221A370124	Hoàng Nữ Trà	My	22/10/2004	Đắk Lắk		
10	VHU.TAB1.01.185	221A370013	Trừ Thị Kim	My	28/10/2004	Lâm Đồng		
11	VHU.TAB1.01.186	221A370093	Đào Trần Thiên	Mỹ	20/12/2004	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.01.187	211A031033	Trần Thanh	Nam	28/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.01.188	221A320193	Phan Thị Tổ	Nga	21/08/2004	Khánh Hoà		
14	VHU.TAB1.01.189	221A030329	Lê Thị Quỳnh	Nga	02/10/2004	Quảng Ngãi		
15	VHU.TAB1.01.190	211A300105	Lê Thị Thu	Nga	25/12/2003	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.01.191		Tăng Thị	Ngà	10/09/1982	Gia Lai		
17	VHU.TAB1.01.192	211A050129	Huỳnh Thanh	Ngân	08/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.01.193	221A030594	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/09/2004	An Giang		
19	VHU.TAB1.01.194	221A080269	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	04/08/2003	Đồng Tháp		
20	VHU.TAB1.01.195	221A070246	Phùng Ngọc Kim	Ngân	09/10/2004	Gia Lai		
21	VHU.TAB1.01.196	221A230322	Nguyễn Thị Mai	Ngân	30/01/2004	Đắk Lắk		
22	VHU.TAB1.01.197	221A030542	Lê Thị Thanh	Ngân	10/02/2004	Đồng Tháp		
23	VHU.TAB1.01.198	221A050117	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	19/02/2004	Tây Ninh		
24	VHU.TAB1.01.199	221A370889	Trần Thị Thuý	Ngân	03/06/2004	An Giang		
25	VHU.TAB1.01.200	211A050382	Võ Trúc	Ngân	23/06/2003	Lâm Đồng		
26	VHU.TAB1.01.201	221A030518	Ka	Nghi	16/09/2004	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.202	211A310006	Nguyễn Tiểu	Ngọc	15/03/2003	Đắk Lắk		
28	VHU.TAB1.01.203	221A230404	Lữ Thị Bảo	Ngọc	01/11/2004	Quảng Ngãi		
29	VHU.TAB1.01.204	221A050266	Nguyễn Thái Bảo	Ngọc	25/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.205	221A070105	Lê Thị Hồng	Ngọc	30/07/2004	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.01.206	221A371007	Thái Bảo	Ngọc	21/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.01.207	221A370862	Tạ Thị Hoàng	Ngọc	31/05/2004	Quảng Ngãi		
33	VHU.TAB1.01.208	221A050339	Trần Hồng	Ngọc	14/02/2004	An Giang		
34	VHU.TAB1.01.209	221A070184	Hà Như	Ngọc	22/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.01.210	221A370327	Trần Thị Bích	Ngọc	03/12/2004	Đắk Lắk		
36	VHU.TAB1.01.211	221A300335	Phạm Kim	Ngọc	07/10/2004	An Giang		
37	VHU.TAB1.01.212		Trần Thị	Ngọc	26/02/1977	Hà Tĩnh		
38	VHU.TAB1.01.213	211A050372	Tạ Thu	Nguyên	19/05/2003	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.01.214	221A030429	Trần Thị Thảo	Nguyên	19/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.01.215	211A040132	Nguyễn Phan Thảo	Nguyên	01/12/2003	Khánh Hoà		
41	VHU.TAB1.01.216	221A030274	Huỳnh Thị Thanh	Nhân	28/10/2004	Gia Lai		
42	VHU.TAB1.01.217	221A011155	Đào Lê	Nhân	13/09/2004	Lâm Đồng		
43	VHU.TAB1.01.218	181A080337	Võ Thành	Nhân	07/04/2000	Khánh Hòa		
44	VHU.TAB1.01.219	221A370213	Đặng Trọng	Nhân	11/12/2004	Vĩnh Long		
45	VHU.TAB1.01.220		Đỗ Nguyên	Nhất	26/09/1992	Gia Lai		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.221	221A320350	Nguyễn Phạm Tuyết	Nhi	01/05/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.01.222	211A050107	Vũ Diệu Yến	Nhi	14/01/2003	Lâm Đồng		
3	VHU.TAB1.01.223	211A050106	Vũ Diệu Kiều	Nhi	14/01/2003	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.01.224	221A040254	Hoàng Thị Yến	Nhi	22/05/2004	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.01.225	221A030724	Lê Lâm Uyên	Nhi	08/03/2004	Đồng Nai		
6	VHU.TAB1.01.226	221A040569	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	13/08/2004	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.01.227	221A300178	Đinh Phạm Uyên	Nhi	13/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.01.228	211A050240	Lâm Ái	Nhi	30/09/2003	Cà Mau		
9	VHU.TAB1.01.229	221A030265	Võ Thị Yến	Nhi	09/01/2004	Tây Ninh		
10	VHU.TAB1.01.230	221A050410	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	19/11/2004	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.01.231	221A050050	Phan Thị Lệ	Nhi	14/12/2003	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.01.232	221A070056	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	06/07/2004	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.01.233	221A210535	Huỳnh Lê Hoài	Nhi	28/01/2004	Khánh Hòa		
14	VHU.TAB1.01.234	211A210122	Dương Quỳnh	Như	31/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.01.235	221A050545	Phạm Thị Huỳnh	Như	18/07/2004	Đồng Tháp		
16	VHU.TAB1.01.236	221A050291	Ngô Thị	Như	22/10/2004	Bắc Ninh		
17	VHU.TAB1.01.237	221A210638	Nguyễn Châu Bảo	Như	21/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.01.238	211A010236	Nguyễn Quỳnh	Như	12/10/2003	Vĩnh Long		
19	VHU.TAB1.01.239	221A040157	Đỗ Huỳnh	Như	13/11/2004	Vĩnh Long		
20	VHU.TAB1.01.240	221A030256	Đoàn Thị Thảo	Như	25/03/2004	Tây Ninh		
21	VHU.TAB1.01.241	221A230188	Bùi Quỳnh	Như	12/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.242	221A300439	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	01/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.01.243	231A380049	Ngô Thị Thảo	Như	07/11/2005	Tây Ninh		
24	VHU.TAB1.01.244	221A370283	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20/11/2004	Lâm Đồng		
25	VHU.TAB1.01.245	211A320144	Võ Ngọc Phương	Như	14/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.01.246		Lê Tâm	Như	11/03/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.247	221A270060	Nguyễn Thị Kiều	Nhung	04/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.01.248	221A210691	Đào Thị Trang	Nhung	19/08/2004	Đắk Lắk		
29	VHU.TAB1.01.249	221A320136	Lê Thị Kim	Nhung	11/09/2004	Khánh Hoà		
30	VHU.TAB1.01.250	221A300279	Lâm Tuyết	Nhung	01/11/2004	Tây Ninh		
31	VHU.TAB1.01.251		Phan Công	Nhứt	02/01/1979	Thành phố Đà Nẵng		
32	VHU.TAB1.01.252	211A010454	Nguyễn Minh	Nhứt	23/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.01.253	221A100163	Nguyễn Thị	Nụ	30/08/2004	Đắk Lắk		
34	VHU.TAB1.01.254	221A370760	Đới Thị Hằng	Ny	14/04/2004	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.01.255	221A030225	Nguyễn Hồng	Oanh	15/12/2004	An Giang		
36	VHU.TAB1.01.256	221A050665	Nguyễn Thị Kim	Oanh	20/09/2004	Gia Lai		
37	VHU.TAB1.01.257	211A070019	Bùi Tiến	Phát	04/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.01.258	211A050122	Lê Tấn	Phát	04/06/2003	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.01.259	231A371280	Nguyễn Tấn	Phát	29/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.01.260	201A030871	Phạm Thanh	Phong	20/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT07

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.261	221A300206	Nguyễn Võ Hoài	Phong	14/01/2004	Đồng Nai		
2	VHU.TAB1.01.262	221A010053	Ngô Đông Lê	Phong	23/09/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.01.263		Lê Triệu	Phú	30/05/1994	Đắk Lắk		
4	VHU.TAB1.01.264	221A210240	Trần Hà Hữu	Phúc	24/01/2004	Thành phố Đà Nẵng		
5	VHU.TAB1.01.265	221A050205	Trần Thanh	Phúc	07/08/2004	Đồng Tháp		
6	VHU.TAB1.01.266	211A230204	Huỳnh Minh	Phúc	16/06/2003	Quảng Ngãi		
7	VHU.TAB1.01.267	221A370378	Trần Hữu	Phước	24/04/2004	An Giang		
8	VHU.TAB1.01.268	221A230107	Nguyễn Thị Thanh	Phương	30/05/2003	Đắk Lắk		
9	VHU.TAB1.01.269	221A360011	Nguyễn Minh	Phương	02/06/2004	Đắk Lắk		
10	VHU.TAB1.01.270	221A031167	Đàm Tấn Hoàng	Phương	13/08/2004	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.01.271	221A300284	Trần Thị Gia	Phương	15/08/2004	Tây Ninh		
12	VHU.TAB1.01.272		Phạm Đình	Phương	26/08/1983	Thanh Hóa		
13	VHU.TAB1.01.273	211A030029	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	19/12/2002	An Giang		
14	VHU.TAB1.01.274	221A030568	Nguyễn Văn	Quân	02/09/2004	Gia Lai		
15	VHU.TAB1.01.275	211A031484	Vũ Mạnh	Quảng	04/12/2003	Lâm Đồng		
16	VHU.TAB1.01.276		Nguyễn Văn	Quốc	01/10/1986	Cà Mau		
17	VHU.TAB1.01.277	221A370248	Đoàn Thúy	Quyên	17/01/2004	Vĩnh Long		
18	VHU.TAB1.01.278	221A370890	Võ Nguyễn Bảo	Quyên	02/11/2004	An Giang		
19	VHU.TAB1.01.279	221A030348	Lê Giang Ngọc	Quyên	26/10/2004	Vĩnh Long		
20	VHU.TAB1.01.280	221A371024	Lê Hoàng Minh	Quyên	01/05/2004	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.01.281	231A230696	Trương Thị Kim	Quyên	26/02/2005	An Giang		
22	VHU.TAB1.01.282	221A010274	Đoàn Thanh	Quỳnh	07/04/2004	Quảng Ngãi		
23	VHU.TAB1.01.283	221A031160	Đỗ Thị Như	Quỳnh	01/07/2004	Tây Ninh		
24	VHU.TAB1.01.284	211A030219	Vũ Thị Như	Quỳnh	28/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.01.285	221A210603	Tô Thị Như	Quỳnh	26/01/2004	Gia Lai		
26	VHU.TAB1.01.286	221A210153	Trịnh Như	Quỳnh	03/08/2004	Khánh Hoà		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.287	161A100175	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	08/03/1996	Gia Lai		
28	VHU.TAB1.01.288	221A030860	Lê Thị Như	Quỳnh	16/03/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.289	221A070185	Phạm Nguyễn Phương	Quỳnh	24/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.290	211A080044	Đỗ Châu	Quỳnh	07/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.01.291	221A010263	Nguyễn Phước	Sang	30/03/2004	Đồng Tháp		
32	VHU.TAB1.01.292	221A030419	Lê Văn	Sơn	18/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.01.293	221A040230	Bùi Thị Ngọc	Sương	07/09/2004	Gia Lai		
34	VHU.TAB1.01.294	221A030535	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	30/06/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.01.295	221A040039	Phan Thị Tú	Sương	08/05/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.01.296	221A370233	Nguyễn Thành	Tài	27/09/2004	Đắk Lắk		
37	VHU.TAB1.01.297	211A010028	Đặng Thành	Tài	29/06/2002	Vĩnh Long		
38	VHU.TAB1.01.298	211A031082	Huỳnh Đức	Tài	27/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.01.299		Nguyễn Thị Đức	Tài	13/05/1978	Gia Lai		
40	VHU.TAB1.01.300	221A320029	Trần Thị Ngọc	Tâm	01/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Phòng kiểm tra: B1.PT08

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Ký tên:.....

Ký tên:.....

CBCKTr1:

CBCKTr2:

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.301	221A050225	Nguyễn Trí	Tâm	30/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.01.302	221A050226	Trần Thanh	Tâm	10/01/2004	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.01.303	221A230118	Đỗ Duy	Tân	02/04/2004	An Giang		
4	VHU.TAB1.01.304	221A040068	Lê Quốc	Tân	21/10/2004	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.01.305	201A030149	Lê Đồng	Tấn	05/08/2001	Đắk Lắk		
6	VHU.TAB1.01.306	221A230262	Nguyễn Quốc	Thái	26/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.01.307		Nguyễn Quốc	Thái	09/01/2001	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.01.308	221A090032	Đặng Hồng	Thắm	28/07/2002	Tây Ninh		
9	VHU.TAB1.01.309	221A080258	Lương Thị Hồng	Thắm	06/10/2004	An Giang		
10	VHU.TAB1.01.310	221A370700	Lý Vĩ	Thân	21/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.01.311	221A050092	Nguyễn Văn	Thắng	23/12/2004	Tây Ninh		
12	VHU.TAB1.01.312	221A050517	Phạm Xuân	Thắng	02/05/2004	Khánh Hoà		
13	VHU.TAB1.01.313	221A230074	Lê Thị	Thanh	11/09/2004	Nghệ An		
14	VHU.TAB1.01.314	211A031410	Võ Thị Kim	Thanh	07/05/2003	Tây Ninh		
15	VHU.TAB1.01.315	231A371587	Lữ Thị Thu	Thanh	28/01/2003	Lâm Đồng		
16	VHU.TAB1.01.316	211A030303	Quách Long	Thành	21/04/2003	An Giang		
17	VHU.TAB1.01.317		Thạch Nhựt	Thành	09/09/1996	Vĩnh Long		
18	VHU.TAB1.01.318		Huỳnh Nguyễn Ngọc	Thành	21/12/1992	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.319	171A070187	Nguyễn Ngọc	Thành	07/12/1999	Thành Phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.01.320	231A310043	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/06/2005	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.01.321	221A371032	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/01/2004	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.01.322	221A030207	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/01/2004	Quảng Ngãi		
23	VHU.TAB1.01.323	221A230256	Nguyễn Thị	Thảo	24/02/2004	Ninh Bình		
24	VHU.TAB1.01.324	221A031000	Hồ Hạ Thu	Thảo	30/09/2004	Đồng Nai		
25	VHU.TAB1.01.325	221A070115	Dương Đặng Ngọc	Thật	28/08/2004	Tây Ninh		
26	VHU.TAB1.01.326	221A320001	Tô Cẩm	Thêm	07/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.327	231A320504	Lê Thị	Thêu	29/11/2004	Lâm Đồng		
28	VHU.TAB1.01.328	211A040073	Lê Thị Kim	Thị	12/04/2003	Vĩnh Long		
29	VHU.TAB1.01.329	211070050	Điền Minh	Thiên	06/11/2003	Đồng Nai		
30	VHU.TAB1.01.330	211A030055	Đặng Văn	Thiên	26/03/2003	Cà Mau		
31	VHU.TAB1.01.331	211A040041	Nguyễn Thanh	Thiện	29/02/2000	Đồng Tháp		
32	VHU.TAB1.01.332	221A080304	Hồ Huỳnh Thanh	Thịnh	04/09/2004	TP.Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.01.333	221A010514	Huỳnh Trường	Thịnh	03/02/2004	Tây Ninh		
34	VHU.TAB1.01.334	211A030259	Phạm Phúc	Thọ	08/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.01.335	221A031127	Nguyễn Thị Kim	Thoa	08/05/2004	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.01.336	221A040566	Phạm Thị	Thoa	21/12/2004	Thành phố Hải Phòng		
37	VHU.TAB1.01.337	211A190009	Đào Văn	Thơm	20/08/1996	Gia Lai		
38	VHU.TAB1.01.338	221A180035	Trần Thị	Thơm	04/09/2004	Hà Tĩnh		
39	VHU.TAB1.01.339	221A310019	Phạm Minh	Thông	25/11/2003	Lâm Đồng		
40	VHU.TAB1.01.340	211A010083	Phan Huy	Thông	23/03/2003	Vĩnh Long		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT09

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.341	211A310021	Lã Thị Hoài	Thu	29/08/2003	Thanh Hoá		
2	VHU.TAB1.01.342	221A030214	Lê Minh	Thư	18/03/2004	Vĩnh Long		
3	VHU.TAB1.01.343	221A370993	Hoàng Bùi Anh	Thư	06/10/2004	Lâm Đồng		
4	VHU.TAB1.01.344	211A030269	Phạm Minh	Thư	16/01/2003	Tây Ninh		
5	VHU.TAB1.01.345	221A070011	Huỳnh Anh	Thư	26/02/2004	Cà Mau		
6	VHU.TAB1.01.346	221A370487	Nguyễn Thị Minh	Thư	31/03/2004	Đồng Tháp		
7	VHU.TAB1.01.347	211A320073	Phạm Minh	Thư	24/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.01.348	211A030239	Nguyễn Minh	Thuận	10/04/2003	Quảng Ngãi		
9	VHU.TAB1.01.349	211A030164	Nguyễn Anh	Thức	26/05/2003	Vĩnh Long		
10	VHU.TAB1.01.350	221A370110	Biện Thị Hoài	Thương	26/04/2004	Quảng Trị		
11	VHU.TAB1.01.351	221A320062	Hà Thị	Thương	27/01/2004	Lâm Đồng		
12	VHU.TAB1.01.352	211A160037	Hứa Hoài	Thương	18/07/2003	Vĩnh Long		
13	VHU.TAB1.01.353	211A030779	Nguyễn Hồng	Thủy	01/05/2003	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.01.354	221A070093	Trần Thị Thu	Thủy	30/01/2004	Đắk Lắk		
15	VHU.TAB1.01.355	211A370181	Phạm Ngọc Thanh	Thủy	30/03/2003	Ninh Bình		
16	VHU.TAB1.01.356	221A031368	Lê Thị Lan	Thùy	12/06/2004	Quảng Ngãi		
17	VHU.TAB1.01.357	221A010133	Nguyễn Trần Minh	Thùy	04/07/2004	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.01.358		Phan Võ Ngọc	Thùy	04/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.359	221A050286	Thái Thị Thanh	Thùy	04/07/2004	Gia Lai		
20	VHU.TAB1.01.360	221A360122	Võ Thị Thu	Thùy	18/03/2004	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.01.361	221A030815	Lê Nguyễn Mai	Thy	20/08/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.362	221A040228	Chu Phạm Mai	Thy	05/11/2004	Lâm Đồng		
23	VHU.TAB1.01.363		Huỳnh Thị Mai	Thy	21/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.01.364	221A080123	Tô Mai Thủy	Tiên	22/11/2004	Lâm Đồng		
25	VHU.TAB1.01.365		Lê Nguyễn Công	Tiến	05/10/1991	Đồng Nai		
26	VHU.TAB1.01.366	221A370111	Lương Thị	Tiền	08/07/2004	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.367	221A240039	Trần Thị Kim	Tiền	19/06/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.01.368		Nguyễn Kim	Tiền	20/08/2003	Đồng Nai		
29	VHU.TAB1.01.369	211A010103	Lê Minh	Toàn	08/09/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.370	221A290044	Trần Anh	Toàn	25/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.01.371	221A030761	Hồ Thị Thanh	Trà	19/12/2004	Gia Lai		
32	VHU.TAB1.01.372	231A370710	Nguyễn Thị Hoàng	Trâm	26/09/2005	Khánh Hoà		
33	VHU.TAB1.01.373	221A030215	Đoàn Hoàng Huyền	Trâm	26/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.01.374	221A050312	Trần Huỳnh Bảo	Trâm	20/06/2004	Đắk Lắk		
35	VHU.TAB1.01.375	221A031003	Nguyễn Thị Huyền	Trân	29/10/2004	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.01.376	221A030026	Nguyễn Thanh Bảo	Trân	19/10/2004	Gia Lai		
37	VHU.TAB1.01.377	221A050005	Bùi Thị Quế	Trân	22/01/2004	Đồng Tháp		
38	VHU.TAB1.01.378	221A370319	Nguyễn Thị Huyền	Trân	12/03/2004	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.01.379	221A050098	Đặng Thị Huyền	Trân	17/04/2004	Đồng Tháp		
40	VHU.TAB1.01.380	221A030449	Nguyễn Thị Huyền	Trân	30/04/2004	Tây Ninh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT10

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.381	221A050039	Trịnh Nguyễn Huyền	Trang	11/10/2004	Đồng Nai		
2	VHU.TAB1.01.382	221A030873	Chung Thuỷ	Trang	11/07/2004	Cà Mau		
3	VHU.TAB1.01.383	221A230027	Lê Kiều	Trang	18/09/2004	Khánh Hoà		
4	VHU.TAB1.01.384	221A371052	Phan Thị Thuỷ	Trang	21/02/2004	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.01.385	221A040034	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.01.386	221A230183	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/11/2004	Lâm Đồng		
7	VHU.TAB1.01.387	221A230014	Nguyễn Thị Kiều	Trang	29/10/2004	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.01.388	221A050442	Trần Kim	Trang	06/02/2004	Cà Mau		
9	VHU.TAB1.01.389	221A370611	Phùng Thị Thuỷ	Trang	16/08/2004	Tây Ninh		
10	VHU.TAB1.01.390	221A050022	Lê Thị Thu	Trang	04/04/2004	Tây Ninh		
11	VHU.TAB1.01.391	221A371142	Vũ Thị Huyền	Trang	19/11/2004	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.01.392	221A030997	Hồ Thị Đoan	Trang	23/04/2004	Lâm Đồng		
13	VHU.TAB1.01.393	221A050552	Lương Thị Huyền	Trang	30/06/2004	Lâm Đồng		
14	VHU.TAB1.01.394	221A190002	Nguyễn Lý Huỳnh	Trang	22/09/2004	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.01.395	221A050010	Trương Cao	Trí	08/08/2003	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.01.396	221A070195	Nguyễn Lê Minh	Trí	20/10/2004	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.01.397	221A370764	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	05/01/2004	Quảng Trị		
18	VHU.TAB1.01.398	221A030123	Huỳnh Thị Kiều My	Trinh	22/02/2003	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.01.399	221A030702	Nguyễn Phương	Trinh	18/12/2004	Quảng Bình		
20	VHU.TAB1.01.400	221A320280	Nguyễn Thị Thùy	Trinh	12/01/2004	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.01.401	211A100093	Phan Thị Đan	Trinh	18/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.402	211A030483	Huỳnh Thanh	Trúc	04/07/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.01.403	211A031509	Tiêu Thanh	Trúc	25/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.01.404	221A050455	Nguyễn Thanh	Trúc	12/08/2004	Đắk Lắk		
25	VHU.TAB1.01.405	221A050335	Nguyễn Thị Hương	Trúc	23/09/2004	Lâm Đồng		
26	VHU.TAB1.01.406	211A030318	Nguyễn Thanh	Trúc	16/09/2003	Khánh Hoà		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.407	231A030002	Vũ Đức	Trung	16/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.01.408	181A030234	Lê Minh	Trương	03/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.409	221A050535	Nguyễn Minh	Trưởng	13/10/2004	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.01.410	211A030805	Trần Thị Cẩm	Tú	29/08/2003	Tây Ninh		
31	VHU.TAB1.01.411	231A030041	Trịnh Bùi	Tuấn	01/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.01.412	221A011020	Bùi Minh	Tuấn	17/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.01.413	221A080303	Đặng Thanh	Tùng	10/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.01.414		Tổng Văn	Tùng	24/07/1982	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.01.415		Nguyễn Thanh	Tùng	05/02/1981	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.01.416	221A370434	Nguyễn Thị Lan	Tuyền	26/07/2004	Gia Lai		
37	VHU.TAB1.01.417	211A031038	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	26/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.01.418	211A031037	Võ Mai Mộng	Tuyền	13/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.01.419	211A030270	Phạm Thị Ánh	Tuyết	15/02/2003	Tây Ninh		
40	VHU.TAB1.01.420	201A080063	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/10/2002	Thanh Hoá		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2026

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT 01 NĂM 2026**

(Địa chỉ: 613 Âu Cơ, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và 624 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 25/01/2026

Phòng kiểm tra: B1.PT11

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.421	211A030281	Nguyễn Phước	Tỹ	11/02/2003	Cà Mau		
2	VHU.TAB1.01.422	231A310077	Lê Ngọc Mỹ	Uyên	27/01/2005	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.01.423	211A030411	Huỳnh Phương	Uyên	06/11/2003	Cà Mau		
4	VHU.TAB1.01.424		Lê Thị Thu	Uyên	20/10/1997	Khánh Hòa		
5	VHU.TAB1.01.425	221A031281	Trần Thị Ánh	Vân	19/01/2004	Lâm Đồng		
6	VHU.TAB1.01.426	221A370102	Tổng Thị Yến	Vi	03/04/2004	Ninh Bình		
7	VHU.TAB1.01.427	221A370312	Huỳnh Thị Hồng	Viên	29/06/2004	Khánh Hòa		
8	VHU.TAB1.01.428	211A010351	Nguyễn Ngọc	Vũ	03/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.01.429	221A270077	Lê Anh	Vũ	23/12/2004	Đồng Nai		
10	VHU.TAB1.01.430	221A030474	Huỳnh Thị Kim	Vui	16/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.01.431	211A320142	Kiều Trúc	Vy	29/10/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.01.432	211A030222	Đoàn Thực	Vy	09/05/2003	Quảng Trị		
13	VHU.TAB1.01.433	221A031114	Nguyễn Thị Thuý	Vy	19/03/2004	Đồng Tháp		
14	VHU.TAB1.01.434	221A300432	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	29/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.01.435	201A040154	Võ Ngọc Khả	Vy	11/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.01.436	221A370325	Võ Thị Thuý	Vy	02/07/2004	Đồng Tháp		
17	VHU.TAB1.01.437	211A030355	Nguyễn Lê Mai	Vy	01/04/2003	Cần Thơ		
18	VHU.TAB1.01.438	221A050476	Nguyễn Thị Thảo	Vy	24/03/2004	Đồng Nai		
19	VHU.TAB1.01.439	211A030803	Vũ Yến	Vy	22/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.01.440	211A030798	Đặng Thị Yến	Vy	29/07/2003	Nghệ An		
21	VHU.TAB1.01.441	221A300099	Huỳnh Yến	Vy	02/12/2004	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.01.442	221A011131	Huỳnh Ngọc Thảo	Vy	11/09/2004	An Giang		
23	VHU.TAB1.01.443	221A050423	Phạm Ngọc Thuý	Vy	25/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.01.444	221A370997	Nguyễn Thị	Vy	23/02/2004	Nghệ An		
25	VHU.TAB1.01.445	211A040043	Nguyễn Thị Yến	Vy	29/01/2002	Thành Phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.01.446	221A360200	Bùi Thảo	Vy	26/02/2004	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
27	VHU.TAB1.01.447	221A050079	Phan Thị Hà	Vy	30/03/2004	Lâm Đồng		
28	VHU.TAB1.01.448	221A030494	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	08/12/2004	Đồng Nai		
29	VHU.TAB1.01.449	221A310127	Bùi Ngọc Thảo	Vy	19/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.450	221A030351	Nguyễn Khánh	Vy	28/08/2004	Đồng Tháp		
31	VHU.TAB1.01.451	221A320040	Ngô Trần Mỹ	Xuân	12/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.01.452	211A030015	Lý Thanh	Xuân	30/12/2002	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.01.453	211A100013	Trần Thị Như	Ý	19/05/2003	Đồng Tháp		
34	VHU.TAB1.01.454	221A030248	Lê Như	Ý	06/06/2004	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.01.455	211A210299	Tào Huỳnh Hải	Yến	19/03/2003	Cà Mau		
36	VHU.TAB1.01.456	201A030858	Lê Thị Hoàng	Yến	06/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.01.457	221A360027	Đặng Trần Phi	Yến	09/02/2004	Tây Ninh		
38	VHU.TAB1.01.458	221A300280	Lê Thị Hải	Yến	24/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.01.459	221A320268	Nguyễn Hoàng Kiều	Yến	13/05/2004	Tây Ninh		
40	VHU.TAB1.01.460	221A050055	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	17/05/2004	Khánh Hoà		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hà